

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/DS-PT.

Ngày: 08- 4 -2019.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Duy Tuấn

2. Ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 05/2019/TLPT-DS ngày 07/01/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2018/DSST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐ-PT ngày 01/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐ-PT ngày 15/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị TH, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1945 và bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (ông L vắng mặt, bà L1 có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn L: Bà Nguyễn Thị Dạ T; địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, Đắk Lắk (vắng mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Nguyễn Thị Dạ T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

3.2. Ông Trịnh Ngọc K, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Ngô Thị TH trình bày:*

Từ ngày 04/9/2016 đến ngày 26/02/2018 vợ chồng bà Huỳnh Thị L1, ông Nguyễn Văn L vay của bà tổng cộng 164.500.000 đồng, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 04/9/2016 bà L1, ông L vay số tiền 100.000.000 đồng, trong đó sáng 04/9/2019 ông L bà L1 vay 50.000.000 đồng, chiều 04/9/2019 ông L bà L1 tiếp tục vay 50.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay do chị Nguyễn Thị Dạ T (con gái của ông L bà L1) viết; ông L bà L1 ký dưới mục người mượn tiền và hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 04/02/2017, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 02%/01 tháng. Khi vay thì ông L, bà L1 có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 007673 do Ủy ban nhân dân huyện K ngày 24/3/2009 cấp cho hộ ông L, bà L1.

- Ngày 11/9/2016 âm lịch (tức ngày 11/10/2016 dương lịch) bà L1 có mượn của bà số tiền 3.000.000 đồng. Khi vay thì hai bên không lập giấy vay khác mà ghi vào giấy vay của sáng ngày 04/9/2016, sau khi nhận đủ tiền thì bà L1 có ký nhận phía dưới khoản vay trên.

- Ngày 15/5/2017 bà L, ông L1 vay số tiền 3.000.000 đồng, khi vay hai bên có lập giấy vay, chữ viết trong giấy vay do chị T viết ra và ký với tư cách là người làm chứng, ông L bà L1 ký dưới mục người vay tiền. Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 03%/ 1 tháng, thời hạn vay 01 tháng. Ngoài ra, trong giấy vay trên cũng thể hiện ngày 08/12/2017 bà L1 vay 11.000.000 đồng, ngày 09/12/2017 bà L1 vay 2.500.000 đồng. Tuy nhiên, đối với khoản vay 2.500.000 đồng vào ngày 09/12/2017 thì bà không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 26/5/2017 ông L bà L1 vay số tiền 34.000.000 đồng, khi vay hai bên có lập giấy vay, chữ viết trong giấy vay do chị T viết ra và ký với tư cách là người làm chứng, ông L bà L1 ký dưới mục người vay tiền. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 20.000đ/1 triệu/1 tháng, thời hạn trả nợ là ngày 26/7/2017.

- Ngày 26/02/2018 ông L bà L1 vay số tiền 13.500.000 đồng, khi vay hai bên có lập giấy vay, chị T là người viết giấy vay và ký với tư cách là người làm chứng, ông L bà L1 là người ký nhận dưới mục người mượn tiền. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 26/3/2018 và lãi suất là 20.000đ/1 triệu/1 tháng.

Kể từ khi vay đến nay, bà đã nhiều lần yêu cầu ông L bà L1 trả số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh của các khoản vay nêu trên nhưng ông L, bà L1 không trả. Do đó, bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L bà L1 trả cho bà tổng số tiền 164.500.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo quy định, không yêu cầu Tòa án tính tiền lãi của lãi chậm trả. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông L bà L1 đã thế chấp khi vay, đây là tài sản mà ông L bà L1 thế chấp để làm tin thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 50.000.000 đồng vào chiều ngày 04/9/2019 (tại giấy vay Bút lục số 03). Như vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L bà L1 trả cho bà tổng số tiền 114.500.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo quy định.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Huỳnh Thị L1 trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn L có quan hệ là vợ chồng, chị Nguyễn Thị Dạ T là con gái của bà, bà Ngô Thị TH là hàng xóm quen biết nhau. Bà có vay tiền của bà TH cụ thể như sau:

- Ngày 04/9/2016 bà và ông L đến hỏi vay của bà TH số tiền 50.000.000 đồng, bà TH đồng ý nhưng yêu cầu vợ chồng bà phải thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 007673 để làm tin. Đến ngày 11/9/2016 bà TH mới cho vợ chồng bà vay số tiền trên, có sự chứng kiến của chị T anh K. Khi vay hai bên có xác lập giấy mượn tiền ghi ngày 04/9/2016, chị TH là người viết giấy vay, bà và ông L ký xác nhận dưới mục người mượn tiền. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/1tháng, thời hạn trả nợ là ngày 04/02/2017.

- Ngày 11/9/2016 âm lịch (tức ngày 11/10/2016 dương lịch), bà tiếp tục vay của bà TH số tiền 3.000.000 đồng, khi vay chỉ có mình bà đi vay, hai bên không lập giấy vay khác mà ghi vào nội dung vay của khoản vay 50.000.000 đồng vào ngày 04/9/2016 nêu trên; hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 15%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 04/02/2017.

- Ngày 15/5/2017 bà vay của bà TH số tiền 3.000.000 đồng, chị T là người viết giấy vay, khi vay chỉ có bà và chị T; hai bên thỏa thuận miệng lãi suất vay là 9%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 15/6/2017.

- Ngày 09/12/2017 bà vay số tiền 2.500.000 đồng, khi vay hai bên không lập giấy tờ vay nhưng bà có ghi nội dung vay vào giấy vay ngày 15/5/2017, về lãi suất thì bà TH thỏa thuận với chị T, bà không được biết. Thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là khi chị T làm xong sổ đỏ sẽ trả tiền cho bà TH.

Ngoài những lần vay nêu trên thì bà còn vay của bà TH 03 lần tiền nhưng bà không nhớ ngày tháng năm cụ thể. Một lần bà vay 500.000 đồng, một lần vay 4.000.000 đồng, một lần vay 5.000.000 đồng. Ba lần vay trên hai bên không có giấy tờ nên bà không có để cung cấp cho Tòa án. Mục đích vay tiền bà TH là để sử dụng vào chi phí sinh hoạt gia đình.

Đối với số tiền 11.000.000 đồng mà bà TH yêu cầu bà ghi nhận nợ vào ngày 08/12/2017, đây là khoản vay cộng các khoản mà bà vay số tiền 3.000.000 đồng ngày 04/9/2016, 3.000.000 đồng ngày 15/5/2017 và 5.000.000 đồng (không nhớ ngày tháng năm). Bà xác nhận chữ ký dưới mục người mượn tiền là do bà ký và viết ra.

Đối với các khoản vay vào ngày 26/5/2017, 26/02/2018 thì bà thừa nhận chữ ký, chữ viết dưới mục người mượn tiền trong các giấy vay trên là do bà ký và viết

ra. Nhưng thực tế bà không vay và không nhận tiền của bà TH, lý do bà ký vào giấy vay là do bà TH nói đã tính toán tiền vay, lãi suất với chị T và do chị T cũng đã ký vào người làm chứng do đó bà mới ký vào các giấy vay tiền này.

Như vậy, bà xác định từ năm 2016 đến nay vợ chồng bà vay của chị TH tổng số tiền là 68.000.000 đồng, do vậy bà chỉ chấp nhận trả cho bà TH số tiền 68.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định. Đối với số tiền còn lại mà bà TH khởi kiện thì vợ chồng bà không chấp nhận trả vì vợ chồng bà không vay của bà TH. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 007673 mà vợ chồng bà đã thế chấp cho bà TH thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà TH trả lại cho vợ chồng bà.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn L, người đại diện theo ủy quyền của ông L là bà Nguyễn Thị Dạ T trình bày:

Đối với khoản vay vào ngày 04/9/2016 thì ông L có cùng quan điểm với bà L1 và không bổ sung gì thêm.

Đối với khoản vay 3.000.000 đồng trong giấy vay ngày 04/9/2016 và các khoản vay vào các ngày 15/5/2017, 26/5/2017, 26/02/2018 thì ông không biết sự việc vay mượn trên, nhưng do tin tưởng bà TH nên ông đã ký dưới mục người mượn tiền theo yêu cầu của bà TH.

Các khoản vay mà bà L1 vay là để sử dụng chi tiêu trong gia đình nên ông chấp nhận cùng bà L1 trả cho bà TH số tiền 68.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 007673 mà vợ chồng ông đã thế chấp cho bà TH thì yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà TH trả lại cho vợ chồng ông.

Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng bà Nguyễn Thị Dạ T trình bày:

Bà là con gái của bà L1, ông L, ngày 04/9/2016 bố mẹ bà có nhờ bà đến nhà bà TH để hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi đến nhà bà TH để hỏi vay thì bà TH đồng ý nhưng bà TH yêu cầu bà lập 02 giấy vay với nội dung “Nguyễn Văn L, Huỳnh Thị L1 vay của bà Ngô Thị TH số tiền 50.000.000 đồng, thế chấp 01 bìa đồ mang tên ông L bà L1 số AN – 007673, mượn từ ngày 04/9/2016 đến ngày 04/02/2017” tuy nhiên chưa có chữ ký của các bên nên bà TH vẫn giữ 02 giấy vay trên. Đến ngày 11/9/2016 bà TH gọi điện cho ông L, bà L1 và vợ chồng bà mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đến để lấy tiền thì lúc này bà TH yêu cầu ông L bà L1 ký nhận dưới mục người mượn tiền vào 02 giấy vay đã được viết sẵn vào ngày 04/9/2016 và vợ chồng bà ký nhận dưới mục người làm chứng. Như vậy, bà L1 ông L chỉ vay số tiền 50.000.000 đồng chứ không phải vay hai lần như bà TH trình bày.

Đối với giấy mượn tiền lập ngày 15/5/2017 bà L1 có vay bà TH số tiền 3.000.000 đồng, bà là người lập giấy vay và ký tên là người làm chứng. Sau đó bà TH yêu cầu ông L ký vào giấy mượn tiền.

Đối với giấy mượn tiền lập ngày 26/5/2017 bà TH gọi bà đến nhà bà TH để tính lại tiền vay, trong đó tính lãi suất vay của khoản vay 50.000.000 đồng trong giấy vay ngày 04/9/2016, tiền vay 3.000.000 đồng ngày 15/5/2017, lãi suất và số tiền 2.500.000 đồng, lãi suất và khoản tiền vay gần tết năm 2017 là 500.000 đồng, lãi suất và bà TH có hứa cho vay thêm 12.000.000 đồng và yêu cầu bà lập giấy vay ngày 26/5/2017 tổng số tiền là 34.000.000 đồng, ký nhận vào người làm chứng. Nhưng bà TH không đưa 12.000.000 đồng cho bà mượn mà bà TH đưa cho ông L bà L1 ký dưới mục người mượn tiền sau khi bà lập giấy vay. Vì do tin tưởng bà TH nên ông L bà L1 đã ký vào giấy mượn tiền theo yêu cầu.

Đối với giấy mượn tiền ngày 26/02/2018: Ngày 26/5/2017 bà TH có yêu cầu bà tính tiền tổng tiền lãi suất của các khoản vay là 13.500.000 đồng và yêu cầu bà ký tên dưới mục người làm chứng, vì hện đến năm 2018 trả nên bà TH yêu cầu bà ghi ngày 26/2/2018 vào giấy vay. Nhưng sau đó bà TH cộng các khoản tiền gốc lại và yêu cầu bà lập giấy vay 26/5/2017 với nội dung ông L bà L1 vay bà TH 34.000.000 đồng như trình bày trên và nói bỏ tờ giấy vay 13.500.000 đồng. Nhưng do tin tưởng bà TH nên đã không lập giấy vay ghi nội dung vay 13.500.000 đồng để hủy bỏ. Sau đó, bà TH lợi dụng sự tin tưởng của ông L bà L1 nên bà TH đã yêu cầu ông L bà L1 ký nhận vào các giấy vay trên.

Từ năm 2016 đến nay, bà chứng kiến các lần vay đối với số tiền 50.000.000 đồng thể hiện trong giấy vay ngày 04/9/2016, 3.000.000 đồng ngày 15/5/2017 và một lần với số tiền 2.500.000 đồng; ngoài ra bà không biết sự việc vay mượn tiền khác. Các chứng từ bà TH khởi kiện ra Tòa án thì chữ viết của các chứng từ này do bà lập nhưng do tin tưởng bà TH, sau đó bà TH đã đưa cho ông L bà L1 ký nhận.

Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng ông Trịnh Ngọc K trình bày:

Ngày 11/9/2016 ông cùng với vợ là Nguyễn Thị Dạ T có chứng kiến việc vay mượn giữa ông L bà L1 với bà TH, ông L bà L1 có vay của bà TH số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có ký vào giấy mượn tiền đề ngày 04/9/2016. Chữ viết trong giấy mượn tiền là do vợ tôi là bà T viết ra, nhưng viết từ lúc nào thì ông không biết. Đối với số tiền vay còn lại thì ông không chứng kiến và không biết, do đó đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DSST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị TH.
- Buộc bà Huỳnh Thị L1, ông Nguyễn Văn L liên đới hoàn trả cho chị Ngô Thị TH số tiền 149.561.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 114.500.000 đồng, tiền lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 35.061.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Buộc chị Ngô Thị TH trả lại cho bà Huỳnh Thị L1 và ông Nguyễn Văn L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN-007673 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 24/3/2009 đứng tên người sử dụng đất hộ ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị L1 tại thửa đất số 288a, tờ bản đồ số 15.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị TH đối với số tiền 50.000.000 đồng theo giấy vay đề ngày 04/9/2016.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, về trình tự thủ tục thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/11/2018 bị đơn bà Huỳnh Thị L1 kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Huỳnh Thị L1 – Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2018/DSST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị L1 được nộp trong thời hạn luật định và đã được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Ngô Thị TH cho rằng bà đã cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị L1 vay tổng số tiền là 164.500.000 đồng, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả tổng số tiền 114.500.000 đồng

tiền gốc của các khoản vay vào ngày 04/9/2016, 11/10/2016, 15/5/2017, 08/12/2017, 26/5/2017, 26/02/2018 và lãi phát sinh theo quy định. Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị L1, ông Nguyễn Văn L cho rằng vợ chồng ông bà chỉ vay nguyên đơn tổng số tiền 68.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với khoản vay 50.000.000 đồng vào ngày 04/9/2016, 3.000.000 đồng vào ngày 11/10/2016 và 3.000.000 đồng vào ngày 15/5/2017 thì nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận các khoản vay trên, đồng thời bị đơn cũng đồng ý trả nợ cho nguyên đơn. Như vậy, hai bên đã công nhận đây là sự thật, không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với khoản vay vào ngày 08/12/2017, thì tại Giấy mượn tiền của ngày 15/5/2017 có thể hiện nội dung “08/12/2017 lấy thêm 11.000.000 đồng” và có chữ ký của bà Huỳnh Thị L1 xác nhận phía dưới. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án bà L1 cũng thừa nhận nội dung trên là do bà viết và ký xác nhận. Tuy nhiên, bà L1 cho rằng đây là khoản vay mà bà TH cộng các khoản vay 3.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 04/9/2016, 3.000.000 đồng theo giấy vay ngày 15/5/2017 và 5.000.000 đồng (không nhớ ngày tháng năm) mà bà vay dùm cho con gái bà nhưng bà L1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặt khác, tại giấy mượn tiền trên thì cũng thể hiện nội dung “09/12/2017 lấy thêm 2.500.000 đồng” và khoản vay này bà L1 thừa nhận là có vay của bà TH. Như vậy, khoản vay ngày 09/12/2017 phát sinh sau khoản vay vào ngày 08/12/2017 và nội dung vay viết cùng trong 01 tờ Giấy mượn tiền, do đó bị đơn bà L1 cho rằng không vay tiền của bà TH vào ngày 08/12/2017 là không có cơ sở. Đối với khoản vay vào ngày 09/12/2017 vì nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét khoản vay 34.000.000 đồng vào ngày 26/5/2017 và khoản vay 13.500.000 đồng vào ngày 26/02/2018, bị đơn bà L1 cho rằng bà không vay số tiền trên của nguyên đơn mà số tiền này là do nguyên đơn bà TH tính toán tiền vay và lãi suất của các khoản vay trước với chị Nguyễn Thị Dạ T (con gái của bà L1 ông L), tuy nhiên bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận việc này. Mặt khác, bà thừa nhận chữ ký, chữ viết dưới mục người mượn tiền do vợ chồng bà ký và viết ra; nội dung vay tiền là do chị T viết ra, đồng thời chị T cũng ký với tư cách là người làm chứng. Ngoài ra, tại Giấy mượn tiền trên có thể hiện nội dung của người làm chứng là “số tiền bố mẹ mượn là đúng sự thật”. Như vậy, việc bị đơn bà L1 và người làm chứng bà T cho rằng ngày 26/5/2017 và ngày 26/02/2018 không vay mượn số tiền nào của bà TH là không có căn cứ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L cho rằng ông và bà L1 chỉ vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 04/9/2016, đối với các khoản vay khác thì ông không được biết, vì

thấy trên giấy mượn tiền có chữ viết, chữ ký của con gái ông là chị T và do tin tưởng bà TH nên ông có ký xác nhận vào. Thấy rằng: Mặc dù các khoản vay không có chữ ký hay có chữ ký xác nhận của ông L thì bà L1 vay tiền với mục đích để sử dụng công việc gia đình. Do đó, ông cũng phải chịu trách nhiệm liên đới trả các khoản nợ cho nguyên đơn bà Ngô Thị TH.

Từ phân tích nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị L1.

[2.2] Về lãi suất: Do không có kháng cáo, kháng nghị về phần lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà L1 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] - Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị L1.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DSST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị TH.

- Buộc bà Huỳnh Thị L1, ông Nguyễn Văn L liên đới hoàn trả cho bà Ngô Thị TH số tiền 149.561.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 114.500.000 đồng, tiền lãi là 35.061.000 đồng)

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

- Buộc bà Ngô Thị TH trả lại cho bà Huỳnh Thị L1 và ông Nguyễn Văn L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN-007673 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 24/3/2009 đứng tên người sử dụng đất hộ ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị L1 tại thửa đất số 288a, tờ bản đồ số 15.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị TH đối với số tiền 50.000.000 đồng theo giấy vay đề ngày 04/9/2016 (Bút lục số 03).

[2.2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Ngô Thị TH số tiền 4.112.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005067 ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Bị đơn bà Huỳnh Thị L1 và ông Nguyễn Văn L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Thị L1 được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức